

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2022/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Nội dung bãi bỏ

Bãi bỏ Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước; tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khoá XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2022. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng



QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đảm bảo quy định của pháp luật. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

3. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và giai đoạn.

Chương II
TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH,
XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN



Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn và căn cứ tính hệ số

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của các huyện, thành phố để tính điểm hệ số căn cứ vào số liệu công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

2. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính điểm hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 do Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình công bố.

3. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thành phố căn cứ số liệu công bố năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình.

4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình.

5. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn các huyện, thành phố để tính điểm hệ số căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của các huyện, thành phố.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 3%	0,4
- Từ 3% đến dưới 5%	0,5
- Từ 5% đến dưới 8%	0,6
- Từ 8% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,4
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,45
- Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

2. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau: $C_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách của tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố (i)

X_i là tổng điểm hệ số của 2 tiêu chí (tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện, thành phố (i))

Y_i là điểm hệ số tiêu chí 3 của huyện, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^8 X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh thực hiện Dự án 2 của Chương trình

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 3%	0,4
- Từ 3% đến dưới 5%	0,5
- Từ 5% đến dưới 8%	0,6
- Từ 8% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,4
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,45
- Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $Đ_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

D_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thành phố (i).

X_i là tổng điểm hệ số của 2 tiêu chí (tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện, thành phố (i))

Y_i là điểm hệ số tiêu chí 3 của huyện, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^8 X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh thực hiện tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1
Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	1
- Từ 5% đến dưới 10%	1,2
- Từ 10% đến dưới 15%	1,4
- Từ 15% trở lên	1,6

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố (i)

DD_i là điểm hệ số tiêu chí 2 của huyện, thành phố (i)

Y_i là điểm hệ số tiêu chí 1 của huyện, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^8 Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

a) Định mức phân bổ

(1) Phân bổ 20% tổng kinh phí tiêu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;

(2) Phân bổ 80% tổng kinh phí tiêu dự án cho huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn:

Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

(1) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 3%	0,4
- Từ 3% đến dưới 5%	0,5
- Từ 5% đến dưới 8%	0,6
- Từ 8% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,4
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,45
- Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1
Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố	
- Tuyển sinh cứ mỗi 50 người/năm thì tính hệ số	0,025

(2) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: **$K_i = Q.X_i$**

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố (i)

X_i là tổng điểm hệ số của 4 tiêu chí (tiêu chí 1, tiêu chí 2, tiêu chí 3, tiêu chí 4 của huyện, thành phố (i))

Q là vốn bình quân của một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^4 X_i}$$

G là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Định mức phân bổ

(1) Phân bổ 70% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;

(2) Phân bổ 30% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

(1) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 3%	0,4
- Từ 3% đến dưới 5%	0,5
- Từ 5% đến dưới 8%	0,6
- Từ 8% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 500 hộ	0,4
- Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,45
- Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thành phố	
- Dưới 20.000 người	1
- Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người	1,3
- Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,6
- Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	1,9
- Từ 50.000 người đến dưới 60.000 người	2,2
- Từ 60.000 người trở lên	2,5

(2) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $M_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố (i)

X_i là tổng điểm hệ số của 2 tiêu chí (tiêu chí 1, tiêu chí 2 của huyện, thành phố (i))

Y_i là hệ số tiêu chí 3 của huyện, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^8 X_i.Y_i}$$

G là vốn ngân sách tỉnh phân bổ để các huyện, thành phố thực hiện tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 30% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh; 70% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án 2 của Chương trình được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 35% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh; 65% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án 2 của Chương trình được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 50% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh; 50% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án 2 của Chương trình được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 40% tổng kinh phí tiêu dự án cho các sở ngành và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; 60% tổng kinh phí tiêu dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án 2 của Chương trình được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.